SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3617 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

VLAT 1.0064
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu: 03617.26	**Trang: 1/2**

Tên khách hàng : Hoạt động ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2026 (Theo Kế hoạch số 53/KH-KSBT ngày 26/03/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

Địa chỉ : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai – Hẻm 807, đường Đồng Khởi, KP Tân Thành, phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+200ml

Ngày nhận mẫu : 02/11/2026

Ngày trả kết quả : 12/11/2026

Địa điểm lấy mẫu : ĐX01 - Bể chứa nước sạch - Nhà máy nước Đồng Xoài

Người lấy mẫu : Khoa SKMT - YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín và bảo quản lạnh.

Đồng Nai, ngày 09 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA

Lê Văn Hải

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cao Văn Dũng

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0361.7.26 | **Trang : 2/2**

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997- 375.4	0,34 mg/l	≤ 250 mg/l	05/11/2026
2	*Pseudomonas aeruginosa* *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	02/11/2026
3	*Độ cứng tổng cộng* *	SMEWW 2340C:2023	20,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	04/11/2026
4	*Coliform tổng số* *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	02/11/2026
5	*Clo dư tự do*	Chlorine test	0,79 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	02/11/2026
6	*Độ đục*	Turbidity AL450T-IR	0,53 NTU	≤ 2 NTU	02/11/2026
7	pH*	TCVN 6492:2011	6,58	6,0 - 8,5	02/11/2026
8	*Arsenic (As)*	SMEWW 3125 B: 2023	Không phát hiện	≤ 0,01mg/l	05/11/2026
9	*Chỉ số Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	0,52 mg/l	≤ 2mg/l	03/11/2026
10	*Fluor (F)*	Fluor test	0,07 mg/l	≤ 1,5mg/l	04/11/2026
11	*Mangan *(Mn)*	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/l	≤ 0,1mg/l	03/11/2026
12	Clorua (Chloride) (Cl^-)	TCVN 6194:1996	9,73 mg/l	≤ 300 mg/l	03/11/2026
13	*Nitrat *(NO_3^- tính theo N)*	TCVN 6180:1996	0,04 mg/l	≤ 11 mg/l	02/11/2026
14	*Nitrit *(NO_2^- tính theo N)*	SMEWW 4500 NO_2^-B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	04/11/2026
15	*Chì (Plumbum) (Pb)*	SMEWW3125B:2023	Không phát hiện	≤ 0,01 mg/l	05/11/2026
16	*Đồng (Cuprum)(Cu)*	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 1mg/l	03/11/2026
17	*Sắt *(Ferrum)(Fe)*	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	03/11/2026

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1: 2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C139839 (MTTN26020883.09)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	10/11/2026 Trang/ *Page:* 1/5

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SINH HOẠT. MÃ SỐ MẪU: 3617.26**
2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
   - Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
   - Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa (5 L) / *Container: 1 plastic bottle (5 L)*
   - Số đơn vị/mẫu: 3 L / *Unit/sample: 3 L*
3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 03/11/2026
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 03/11/2026 - 10/11/2026
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI Hẻm 807 đường Đồng Khởi, phường Tân Triều, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam**
7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C139839
(MTTN26020883.09)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*	Nhận xét (nx) *Comment*
7.1	Hàm lượng bari (Ba) *Barium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1,3	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.2	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) *Boron content (Boron and boric acid)*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.3	Hàm lượng crom (Cr) *Chromium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.4	Hàm lượng kẽm (Zn) *Zinc content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.5	Hàm lượng natri (Na) *Sodium content*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,87	-	200	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.6	Hàm lượng nhôm (Al) *Aluminium content*	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-	0,2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.7	Hàm lượng niken (Ni) *Nickel content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.8	Hàm lượng thủy ngân (Hg) *Mercury content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total dissolved solids content*	mg/L	SMEWW 2540C:2023	52,8	-	1.000	Phù hợp (Đạt) / Pass

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: kythuat@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C139839
(MTTN26020883.09)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*	Nhận xét (nx) *Comment*
7.10	Hàm lượng 1,2-dichloroethene *1,2-dichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.11	Hàm lượng trichloroethene *Trichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.12	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng *Gross alpha Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.13	Hoạt độ phóng xạ beta tổng *Gross beta Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.14	Hàm lượng acid dichloroacetic *Dichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	16,0	-	50	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.15	Hàm lượng acid trichloroacetic *Trichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	9,9	-	200	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.16	Hàm lượng dibromoacetonitrile *Dibromoacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	< 0,6 (LOQ)	0,2	70	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.17	Hàm lượng dichloroacetonitrile *Dichloroacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	2,2	-	20	Phù hợp (Đạt) / Pass

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C139839
(MTTN26020883.09)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*	Nhận xét (nx) *Comment*
7.18	Hàm lượng bromodichloromethane *Bromodichloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	3,4	-	60	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.19	Hàm lượng bromoform *Bromoform content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.20	Hàm lượng chloroform *Chloroform content*	µg/L	US EPA 8260D	17,2	-	300	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.21	Hàm lượng dibromochloromethane *Dibromochloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100	Phù hợp (Đạt) / Pass

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C139839 (MTTN26020883.09)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	10/11/2026 Trang/ *Page:* 5/5

(nx): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ w = 0. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / *(nx): In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC_G8_09_2019) with a guard band w = 0. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 3618 /KQ-KSBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

VLAT 1.0064 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu: 03618.26	**Trang: 1/2**

Tên khách hàng : Hoạt động ngoại kiểm, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2026 (Theo Kế hoạch số 53/KH-KSBT ngày 26/03/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

Địa chỉ : Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai – Hẻm 807, đường Đồng Khởi, KP Tân Thành, phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai

Tên mẫu : **Nước sinh hoạt**

Lượng mẫu : 2000+200ml

Ngày nhận mẫu : 02/11/2026

Ngày trả kết quả : 12/11/2026

Địa điểm lấy mẫu : ĐX02 - Hộ Hoàng Xuân Sơn - Khu phố Tiến Hưng 1, phường Bình Phước, Tp Đồng Nai - Nhà máy nước Đồng Xoài

Người lấy mẫu : Khoa SKMT - YTTH - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đồng Nai

Tình trạng mẫu : Đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh, nắp đậy kín và bảo quản lạnh.

Đồng Nai, ngày 09 tháng 11 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM
TRƯỞNG KHOA

Lê Văn Hải

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cao Văn Dũng

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 03618.26 | **Trang: 2/2**

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	*Hàm lượng Sulfat*	US-EPA 1997- 375.4	Không phát hiện	≤ 250 mg/l	05/11/2026
2	*Pseudomonas aeruginosa* *	TCVN 8881:2011	0/100ml	< 1CFU/100ml	02/11/2026
3	*Độ cứng tổng cộng* *	SMEWW 2340C:2023	34,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	04/11/2026
4	*Coliform tổng số* *	TCVN 6187-1: 2019 (PP. màng lọc)	0/100ml	< 1CFU/100ml	02/11/2026
5	*Clo dư tự do*	Chlorine test	0,51 mg/l	0,2 - 1,0 (mg/l)	02/11/2026
6	*Độ đục*	Turbidity AL450T-IR	0,50 NTU	≤ 2 NTU	02/11/2026
7	pH*	TCVN 6492:2011	6,70	6,0 - 8,5	02/11/2026
8	*Arsenic (As)*	SMEWW 3125 B: 2023	Không phát hiện	≤ 0,01mg/l	05/11/2026
9	*Chỉ số Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	0,33 mg/l	≤ 2mg/l	03/11/2026
10	*Fluor (F)*	Fluor test	0,06 mg/l	≤ 1,5mg/l	04/11/2026
11	*Mangan *(Mn)*	SMEWW 3111B:2023	0,02 mg/l	≤ 0,1mg/l	03/11/2026
12	Clorua (Chloride) (Cl^-)	TCVN 6194:1996	9,73 mg/l	≤ 300 mg/l	03/11/2026
13	*Nitrat *(NO_3^- tính theo N)*	TCVN 6180:1996	Không phát hiện	≤ 11 mg/l	02/11/2026
14	*Nitrit *(NO_2^- tính theo N)*	SMEWW 4500 NO_2^-B:2023	Không phát hiện	≤ 0,9 mg/l	04/11/2026
15	*Chì (Plumbum) (Pb)*	SMEWW3125B:2023	Không phát hiện	≤ 0,01 mg/l	05/11/2026
16	*Đồng (Cuprum)(Cu)*	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 1mg/l	03/11/2026
17	*Sắt *(Ferrum)(Fe)*	SMEWW 3111B:2023	Không phát hiện	≤ 0,3mg/l	03/11/2026

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01-1: 2024/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.
- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp ISO/IEC 17025.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
VILAS 004
ISO/IEC 17025:2017
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C139839 (MTTN26020883.10)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	10/11/2026 Trang/ *Page:* 1/5

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **NƯỚC SINH HOẠT. MÃ SỐ MẪU: 3618.26**
2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
   - Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
   - Dụng cụ chứa: 1 bình nhựa (5 L) / *Container: 1 plastic bottle (5 L)*
   - Số đơn vị/mẫu: 3 L / *Unit/sample: 3 L*
3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 03/11/2026
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 03/11/2026 - 10/11/2026
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI Hẻm 807 đường Đồng Khởi, phường Tân Triều, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam**
7. Kết quả thử nghiệm / *Testing result (s)* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

KT. GIÁM ĐỐC / *FOR DIRECTOR*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Phan Thành Trung

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 306 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C139839
(MTTN26020883.10)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*	Nhận xét (nx) *Comment*
7.1	Hàm lượng bari (Ba) *Barium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	1,3	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.2	Hàm lượng bor tính chung cho cả borat và axit boric (B) *Boron content (Boron and boric acid)*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2,4	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.3	Hàm lượng crom (Cr) *Chromium content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.4	Hàm lượng kẽm (Zn) *Zinc content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.5	Hàm lượng natri (Na) *Sodium content*	mg/L	SMEWW 3111B:2023	1,67	-	200	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.6	Hàm lượng nhôm (Al) *Aluminium content*	mg/L	US EPA 200.8	0,03	-	0,2	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.7	Hàm lượng niken (Ni) *Nickel content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.8	Hàm lượng thủy ngân (Hg) *Mercury content*	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,001	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) *Total dissolved solids content*	mg/L	SMEWW 2540C:2023	25,5	-	1.000	Phù hợp (Đạt) / Pass

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ⊙ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ⊙ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ⊙ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C139839
(MTTN26020883.10)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*	Nhận xét (nx) *Comment*
7.10	Hàm lượng 1,2-dichloroethene *1,2-dichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	50	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.11	Hàm lượng trichloroethene *Trichloroethene content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,3	8	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.12	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng *Gross alpha Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.13	Hoạt độ phóng xạ beta tổng *Gross beta Radioactivity*	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.14	Hàm lượng acid dichloroacetic *Dichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	KPH	5	50	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.15	Hàm lượng acid trichloroacetic *Trichloroacetic acid content*	µg/L	US EPA 552.3	7,6	-	200	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.16	Hàm lượng dibromoacetonitrile *Dibromoacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	KPH	0,2	70	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.17	Hàm lượng dichloroacetonitrile *Dichloroacetonitrile content*	µg/L	US EPA 551.1	2,5	-	20	Phù hợp (Đạt) / Pass

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326C139839
(MTTN26020883.10)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10/11/2026

STT *No.*	Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Kết quả thử nghiệm *Test Result*	Giới hạn phát hiện *Limit of Detection*	Mức chất lượng *Quality Level*	Nhận xét (nx) *Comment*
7.18	Hàm lượng bromodichloromethane *Bromodichloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	3,3	-	60	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.19	Hàm lượng bromoform *Bromoform content*	µg/L	US EPA 8260D	KPH	0,7	100	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.20	Hàm lượng chloroform *Chloroform content*	µg/L	US EPA 8260D	18,1	-	300	Phù hợp (Đạt) / Pass
7.21	Hàm lượng dibromochloromethane *Dibromochloromethane content*	µg/L	US EPA 8260D	< 2,0 (LOQ)	0,7	100	Phù hợp (Đạt) / Pass

Ghi chú / *Note*:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / *Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality*
- KPH: Không phát hiện / *Not detected*
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / *Limit of quantification of method*
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / *National Technical Regulation*
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / *Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / *United States Environmental Protection Agency*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1446 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326C139839 (MTTN26020883.10)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	10/11/2026 Trang/ *Page:* 5/5

(nx): Trong báo cáo này các kết quả thử nghiệm và nhận xét/tuyên bố phù hợp/không phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của tài liệu tham chiếu chỉ liên quan đến mẫu đã được thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và do khách hàng cung cấp. PTN đã trao đổi và thống nhất với khách hàng về quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ w = 0. Các chỉ tiêu không quy định hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Quy chuẩn không thực hiện nhận xét / *(nx): In this report the test results and interpretation of conformity/non-conformity with the technical requirements of the reference document relate only to the sample tested at the request of the customer and provided by the customer. The laboratory has discussed and agreed with the customer on a decision rule (referring to ILAC_G8_09_2019) with a guard band w = 0. Criteria not specified or not meeting the technical requirements of the Standard will not be commented on.*

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.